

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỲNH PHỤ  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST

Ngày 07 tháng 5 năm 2021

*V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Doanh*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Diệu

2. Ông Phạm Ngọc Túy

*- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.*

Ngày 07 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2021/QĐXX-ST ngày 06/4/2021, quyết định hoãn phiên tòa số 19/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự

Nguyên đơn: Anh Vũ Đình L, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Thôn H, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

Bị đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Thôn H, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

(Anh L có mặt, chị H vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn là Anh Vũ Đình L có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Đình L kết hôn với Chị Lê Thị H trên cơ sở tự

nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 30/10/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại xã A và lao động tự do. Quá trình chung sống đến tháng 6/2014 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp bất đồng quan điểm sống, chị H đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn H, xã A sinh sống, vợ chồng ly thân từ tháng 6/2014 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, Anh L đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh L trình bày, vợ chồng có 01 con chung là Vũ Hải Đ, sinh ngày 04/9/2013, hiện con chung đang ở cùng anh. Ly hôn Anh L đề nghị, anh nhận nuôi con Vũ Hải Đ và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn Chị Lê Thị H vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.*

- *Tại biên bản xác minh với ông Lê Sỹ M (bố đẻ chị H), địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình thể hiện:*

Anh Vũ Đình L và Chị Lê Thị H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào năm 2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng gia đình Anh L ở thôn H, xã A, huyện Q. Quá trình chung sống vợ chồng anh L, chị H có mâu thuẫn, nguyên nhân là do Anh L chơi bời không tu chí làm ăn, ngoài ra chị H còn mâu thuẫn với gia đình nhà chồng. Tháng 6/2014 chị H đã về nhà ông sinh sống cho đến nay. Nay Anh L xin ly hôn, gia đình ông đề nghị Tòa án giải quyết cho anh L, chị H ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Ông Lê Sỹ M xác nhận vợ chồng anh L, chị H có 01 con chung là cháu Vũ Hải Đ, sinh ngày 04/9/2013 đúng như Anh L trình bày. Gia đình đề nghị Tòa án giải quyết cho Anh L được nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh L, chị H không có tài sản chung.

Chị H vẫn đăng ký hộ khẩu tại thôn H, xã A, huyện Q. Hiện nay chị H đang làm ăn xa, nhưng chị H vẫn liên lạc với gia đình ông. Khi gia đình có công việc chị H vẫn về gia đình. Gia đình ông đã nhận được các văn bản, quyết định tố tụng của Tòa án giao cho chị H, ông đã nhận thay và thông báo cho chị H biết. Quan điểm của chị H về việc Anh L xin ly hôn thì chị cũng đồng ý. Về con chung: Chị H đồng ý để Anh L nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- *Tại biên bản xác minh với Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình thể hiện:*

Anh Vũ Đình L và Chị Lê Thị H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A vào năm 2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng gia đình anh L. Quá trình chung sống vợ chồng anh L, chị H có mâu thuẫn. Tháng 6/2014 chị H đã về nhà bố mẹ đẻ là

ông Lê Sỹ M sinh sống cho đến nay. Nay Anh L có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng anh L, chị H có 01 con chung là cháu Vũ Hải Đ, sinh ngày 04/9/2013, ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của hai bên để giải quyết.

Về tài sản chung: Cơ sở thôn không nắm rõ.

- *Tại đơn đề nghị* là cháu Vũ Hải Đ, sinh ngày 04/9/2013 thể hiện: cháu Vũ Hải Đ có nguyện vọng được ở cùng với bố là Anh Vũ Đình L.

- *Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia tố tụng là thể hiện chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa Anh Vũ Đình L và Chị Lê Thị H là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ thường trú tại xã A, huyện Q nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn hiện không có mặt tại địa phương nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, không cung cấp cho nguyên đơn biết địa chỉ hiện nay ở đâu là thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa... cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi dưỡng con chung và địa chỉ của bị đơn, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của anh L, chị H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 30/10/2012 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2014 đến nay, không hỏi han, chia sẻ với nhau. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, mặc dù biết được việc Anh L đề nghị ly hôn nhưng chị H không trực tiếp đến trình bày quan điểm với Tòa án. Điều này chứng tỏ chị H không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Như vậy có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh L, chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L, xử cho anh được ly hôn chị H là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Anh Vũ Đình L và Chị Lê Thị H có 01 con chung là Vũ Hải Đ, sinh ngày 04/9/2013, hiện con chung đang ở cùng anh L. Cháu Vũ Hải Đ có đơn đề nghị xin được ở cùng anh L, Anh L cũng mong muốn được nuôi cháu Đăng. Ly hôn, Anh L đề nghị Tòa án giao con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Phía chị H và gia đình ông Mịch đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật giao con chung cho Anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, nguyện vọng nuôi con chung của Anh L là chính đáng. Kể từ khi vợ chồng ly thân, một mình Anh L nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, con Đăng khỏe mạnh, phát triển bình thường như các bạn cùng lứa tuổi và đang học tập tại trường tiểu học xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất của con chung, Hội đồng xét xử cần giao con chung Vũ Hải Đ cho Anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L không yêu cầu chị H phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh. Chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Vũ Đình L không yêu cầu giải quyết, Chị Lê Thị H không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Vũ Đình L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho Anh Vũ Đình L được ly hôn Chị Lê Thị H.

2. *Về quan hệ con chung:* Xử giao Anh Vũ Đình L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Hải Đ, sinh ngày 04/9/2013 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh L không yêu cầu chị H phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:* Không đặt ra để giải quyết.

4. *Về án phí:* Anh Vũ Đình L phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) Anh L đã nộp theo Biên lai thu số 0004706 ngày 02/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình được chuyển thành tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:* Anh Vũ Đình L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Chị Lê Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- UBND xã A, huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Nguyễn Quốc Doanh**





**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi      giờ      phút, ngày 06 tháng 9 năm 2019

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Diệu

2. Phạm Hải Yến

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 167/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 06 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân gia đình giữa:

1. **Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị Dinh, sinh năm 1983.

Nơi ĐKKH: thôn Sơn Đồng, xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình;  
Chỗ ở hiện nay: thôn Bồ Trang I, xã Quỳnh Hoa, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

2. **Bị đơn:** Anh Đỗ Văn Hiệu, sinh năm 1979

Trú tại: thôn Sơn Đồng, xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật*

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,  
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

1. Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Kết quả biểu quyết 3/3*

2. Về hôn nhân: xử cho chị Vũ Thị Dinh và anh Đỗ Văn Hiệu được ly hôn.

*Kết quả biểu quyết 3/3*

3. Về con chung: Xử giao chị Vũ Thị Dinh trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Đỗ Văn Huy, sinh ngày 29/6/2005 và Đỗ Trâm Anh, sinh ngày 28/02/2014. Anh Đỗ Văn Hiệu phải có nghĩa vụ góp cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Vũ Thị Dinh số tiền là 1.000.000 đồng/01 tháng/01 con kể từ tháng 09/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật.

Anh Đỗ Văn Hiệu có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung; Chị Vũ Thị Dinh và anh Đỗ Văn Hiệu có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

*Kết quả biểu quyết 3/3*



4 Về tài sản chung: Không đặt ra để giải quyết.

*Kết quả biểu quyết 3/3*

5. Về án phí: Chị Vũ Thị Dinh phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0000.... ngày 25/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Chị Dinh đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Đỗ Văn Hiệu phải nộp 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

*Kết quả biểu quyết 3/3*

6. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án .

*Kết quả biểu quyết 3/3*

Nghị án kết thúc vào hồi    giờ    phút, ngày 06 tháng 9 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Phụng**